



Thực trạng hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở các trường tiểu học huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

Đậu Minh Long¹, Tạ Văn Trinh²

¹Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Trường Tiểu học Khánh Nam, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 16/9/2023

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 26/9/2023

Ngày nhận đăng: 18/10/2023

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Giáo dục;

Giáo dục hòa nhập;

Trẻ khuyết tật.

TÓM TẮT

Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường tiểu học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của nhà trường nhằm mang lại cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển cho trẻ. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại các trường tiểu học huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là điều tra khảo sát bằng bảng hỏi đối với 28 cán bộ quản lý, 168 giáo viên và 62 cha mẹ của trẻ khuyết tật tại 13 trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu còn nhiều hạn chế, thể hiện ở các khía cạnh: tổ chức thực hiện, năng lực của đội ngũ, sự phối hợp giữa các lực lượng trong quá trình triển khai.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục hòa nhập (GDHN) là phương thức giáo dục nhằm tạo cơ hội học tập bình đẳng cho người khuyết tật, giúp họ phát triển toàn diện cả về trí tuệ, nhân cách và kỹ năng xã hội. Điều 28 khoản 2 của Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 đã khẳng định: GDHN là phương thức giáo dục chủ yếu đối với người khuyết tật (Quốc hội, 2010). Điều 15 của Luật Giáo dục năm 2019 cũng nêu rõ: GDHN là phương thức giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu và khả năng khác nhau của người học; đảm bảo quyền học tập bình đẳng, chất lượng giáo dục, tôn trọng sự đa dạng, khác biệt và không phân biệt đối xử (Quốc hội, 2019). Nhà nước có chính sách hỗ trợ thực hiện GDHN cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người khuyết tật theo quy định của Luật Trẻ em, Luật Người khuyết tật và các văn bản liên quan (Liên Hiệp Quốc, 2007; Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội & Bộ Tài chính, 2013; Quốc hội, 2016).

Chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước trong việc đảm bảo quyền được học tập và phát triển toàn diện của trẻ khuyết tật (TKT) đã được cụ thể hóa qua nhiều chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động quốc gia (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; Nguyễn, 2015; Quốc hội, 2016). Tuy nhiên, việc thực hiện GDHN trên thực tế vẫn gặp không ít khó khăn, đặc biệt là tại các địa phương vùng sâu, vùng xa.

Huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa là một huyện miền núi với 13/15 trường tiểu học có học sinh khuyết tật học hòa nhập (Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Khánh Vĩnh, 2022). Những năm gần đây, số lượng TKT đến học tại các trường tiểu học trên địa bàn ngày càng tăng. Tuy nhiên, công tác quản lý GDHN cho TKT tại địa phương vẫn còn nhiều bất cập: chỉ đạo của cơ quan quản lý còn thiếu định hướng cụ thể; cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ chưa đảm bảo; đội ngũ giáo viên (GV) chưa có chuyên môn sâu về GDHN; chưa có GV chuyên trách; sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và địa phương còn thiếu chặt chẽ; đặc biệt, chưa có giải pháp phù hợp với các trường hợp TKT nặng. Những bất cập này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng GDHN và đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc nâng cao hiệu quả thực hiện.

Xuất phát từ những lý do trên, việc nghiên cứu đánh giá thực trạng hoạt động GDHN cho TKT ở các trường

tiểu học huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa là rất cần thiết. Nghiên cứu này nhằm góp phần đề xuất các biện pháp phù hợp với thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng GDHN và tạo môi trường học tập công bằng, thân thiện cho mọi học sinh.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Khách thể nghiên cứu

Để đánh giá thực trạng hoạt động GDHN cho TKT ở các trường tiểu học huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, chúng tôi, tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi với 28 cán bộ quản lý (CBQL), 168 GV dạy học sinh khuyết tật, 62 cha mẹ của TKT tại 13 trường, bao gồm: Tiểu học Thị Trấn; Tiểu học Khánh Phú; Tiểu học Liên Sang; Tiểu học Khánh Trung; Tiểu học Khánh Hiệp; Tiểu học Khánh Phú 1; Tiểu học Khánh Thành; Tiểu học Khánh Đông; Tiểu học Khánh Bình; Tiểu học Khánh Thượng; Tiểu học Khánh Nam; Tiểu học Sông Cầu; Tiểu học Sơn Thái.

- Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi để khảo sát thực trạng hoạt động GDHN cho TKT, gồm các bộ phiếu điều tra dành cho cha mẹ học sinh, GV và CBQL các trường. Phiếu điều tra được thiết kế theo thang Likert 4 bậc, tương ứng với 4 mức độ từ 1 đến 4. Dữ liệu thu thập được xử lý theo tỉ lệ % và điểm trung bình (ĐTB) bằng phần mềm SPSS 22.0. Quy ước ĐTB của mỗi nội dung tương ứng các mức sau: 1,0- 1,75: Chưa hoàn thành/ Không quan trọng/ Không hiệu quả/ Không bao giờ; 1,76-2,5: Kém/ Ít quan trọng/ Ít hiệu quả/ Thỉnh thoảng; 2,6-3,25: Khá/ Khá quan trọng/ Khá hiệu quả/ Khá thường xuyên; 3,26-4,0: Tốt/ Rất quan trọng/ Rất hiệu quả/ Rất thường xuyên.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng nhận thức về ý nghĩa của hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường tiểu học

Thông qua bảng hỏi các CBQL và GV về đánh giá vị trí hoạt động GDHN cho TKT ở trường tiểu học, kết quả được xử lý và trình bày trong bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV và cha mẹ học sinh về ý nghĩa của hoạt động GDHN cho TKT ở trường tiểu học

STT	Nội dung	Đối tượng KS	Không quan trọng	Ít quan trọng	Khá quan trọng	Rất quan trọng	ĐTB
1	GDHN là phương thức giáo dục mang tính nhân văn nhất.	CBQL, GV	0.0	1.0	46.9	52,0	3,51
		Cha mẹ	11.3	16.1	9.7	62,9	3,24
2	Tạo điều kiện tối đa cho sự phát triển của TKT.	CBQL, GV	0.5	0.5	44.6	54,4	3,53
		Cha mẹ	6.7	15.0	40.0	38,3	3,10
3	Coi trọng sự cân đối giữa giáo dục kiến thức và kỹ năng xã hội	CBQL, GV	0.0	1.5	41.8	56,6	3,55
		Cha mẹ	11.3	11.3	30.6	46,8	3,13
4	Giáo dục cùng một chương trình với trẻ bình thường cùng lứa tuổi TH phù hợp với nhu cầu, năng lực của các em, đưa đến hiệu quả cao.	CBQL, GV	1.0	2.6	44.8	51,5	3,47
		Cha mẹ	9.7	19.4	36.1	34,7	2,96
5	Tạo môi trường thuận lợi cho sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục.	CBQL, GV	0.0	1.0	44.4	54,6	3,54
		Cha mẹ	8.1	21.0	27.4	43,5	3,06

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$)

Kết quả khảo sát cho thấy, đội ngũ CBQL và GV có nhận thức tương đối đồng đều và tích cực về vai trò, ý nghĩa của hoạt động GDHN cho TKT với điểm trung bình dao động từ 3,47 đến 3,55. Trong đó, tiêu chí được đánh giá cao nhất là “Coi trọng sự cân đối giữa giáo dục kiến thức và kỹ năng xã hội” (ĐTB = 3,55), tiếp đến là “Tạo môi trường thuận lợi cho sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục” (ĐTB = 3,54) và “Tạo điều kiện tối đa cho sự phát triển của TKT” (ĐTB = 3,53). Mặc dù tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình cao, song vẫn tồn tại một số ý kiến đánh giá thấp vai trò của GDHN, điển hình như 1% cán bộ, GV cho rằng giáo dục cùng một chương trình với trẻ bình thường là “không quan trọng”.

Đối với cha mẹ học sinh, kết quả khảo sát cho thấy mức độ nhận thức về ý nghĩa của GDHN tuy nhìn chung tích cực nhưng phân hóa hơn so với CBQL và GV, với điểm trung bình dao động từ 2,96 đến 3,24. Trong đó,

nội dung “GDHN là phương thức giáo dục mang tính nhân văn nhất” được đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,24) với 62,9% cha mẹ học sinh chọn mức “rất quan trọng”. Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ cha mẹ vẫn chưa thực sự đánh giá cao vai trò của GDHN, thể hiện qua tỷ lệ 11,3% đánh giá tiêu chí này là “không quan trọng”. Đáng chú ý, tiêu chí “Giáo dục cùng một chương trình với trẻ bình thường” có điểm trung bình thấp nhất (ĐTB = 2,96), cho thấy còn nhiều băn khoăn của phụ huynh về tính phù hợp và hiệu quả của hình thức này.

Từ những kết quả trên cho thấy, mặc dù nhận thức của CBQL và GV về vai trò của GDHN khá thống nhất và tích cực, song vẫn cần có các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cha mẹ học sinh để tạo sự đồng thuận và phối hợp chặt chẽ trong công tác GDHN cho TKT tại các trường tiểu học.

3.2. Thực trạng thực hiện mục tiêu hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường tiểu học

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV và cha mẹ học sinh về mức độ thực hiện mục tiêu hoạt động GDHN cho TKT

STT	Mục tiêu GDHN	Đối tượng KS	Chưa hoàn thành	Hoàn thành kém	Hoàn thành khá	Hoàn thành tốt	ĐTB
1	Đảm bảo cho mọi trẻ được hưởng những quyền giáo dục cơ bản, quyền tự do không tách biệt, tham gia vào mọi hoạt động xã hội và có cơ hội cống hiến.	CBQL, GV	10.2	19.4	51.5	18.9	2.79
		Cha mẹ	21.0	26.9	46.2	17.7	2.25
2	Phát triển toàn diện các mặt cho trẻ, bao gồm: đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và khả năng lao động.	CBQL, GV	10.7	17.3	52.6	19.4	2.81
		Cha mẹ	24.2	32.3	24.2	19.4	2.39
3	Phát triển kiến thức, kĩ năng văn hóa xã hội, thái độ tích cực, tạo điều kiện hòa nhập cộng đồng khi trẻ 18 tuổi.	CBQL, GV	10.2	18.9	55.1	15.8	2.77
		Cha mẹ	19.4	27.4	40.3	12.9	2.47
4	TKT có cơ hội hòa nhập vào môi trường giáo dục phổ thông, phát triển hài hòa và tối đa những khả năng còn lại để hình thành, phát triển nhân cách.	CBQL, GV	10.7	17.9	52.6	18.9	2.80
		Cha mẹ	21.0	25.8	38.7	14.5	2.47
5	Cải thiện tình trạng suy giảm các chức năng cơ thể và hạn chế chức năng tinh thần do khiếm khuyết hoặc tổn thương về tâm lý, trí tuệ.	CBQL, GV	10.2	19.4	54.6	15.8	2.76
		Cha mẹ	30.6	25.8	32.3	11.3	2.24

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$)

Từ bảng 2 có thể thấy, theo các CBQL và GV các trường tiểu học huyện Khánh Vĩnh có nhận thức tương đối đồng đều về các mục tiêu của các hoạt động GDHN cho TKT (điểm trung bình giao động từ 2.76 – 2.81). Hầu hết các cán bộ, GV đều có nhận thức đúng đắn về mục tiêu chính của hoạt động này. Trong đó, 19,4% cán bộ, GV đánh giá hoàn thành Tốt, 52,6% GV đánh giá Khá với mục tiêu: Phát triển toàn diện các mặt cho trẻ, bao gồm: đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và khả năng lao động (điểm trung bình 2.81) và mục tiêu Đảm bảo cho mọi trẻ được hưởng những quyền giáo dục cơ bản, quyền tự do không tách biệt, tham gia vào mọi hoạt động xã hội và có cơ hội cống hiến 18,9% tốt, 51,5% Khá, (ĐTB = 2.79); TKT có cơ hội hòa nhập vào môi trường giáo dục phổ thông, phát triển hài hòa và tối đa những khả năng còn lại để hình thành, phát triển nhân cách (ĐTB = 2.8). Nhờ có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của hoạt động GDHN nên mục tiêu phát triển toàn diện và đảm bảo quyền giáo dục cơ bản được các CBQL và GV quan tâm thực hiện. Phần lớn các cán bộ, GV đồng ý rằng môi trường tốt nhất cho TKT là môi trường GDHN để giúp học sinh có cơ hội tương tác và sinh hoạt cùng trẻ bình thường khác. Đây là nhận thức đúng đắn, phù hợp với xu thế chung thể hiện sự công bằng, bình đẳng trong đường lối giáo dục chung. CBQL và GV đã có những nhận thức ban đầu về nhu cầu cần được chăm sóc và giáo dục của TKT. Tuy các CBQL và GV chưa được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ về GDHN cho TKT nhưng qua các hoạt động thực tế, qua tuyên truyền và các buổi đào tạo, phần đa GV và CBQL có những nhận thức tương đối tốt về hoạt động này.

Các mục tiêu đứng sau, theo ý kiến của các CBQL, GV, ít hoàn thành bằng các mục tiêu khác là Phát triển kiến thức, kĩ năng văn hóa xã hội, thái độ tích cực, tạo điều kiện hòa nhập cộng đồng khi trẻ 18 tuổi (ĐTB = 2.77), với 10,2% GV đánh giá mục tiêu này chưa hoàn thành, 18,9% đánh giá hoàn thành kém; Cải thiện tình trạng suy giảm các chức năng cơ thể và hạn chế chức năng tinh thần do khiếm khuyết hoặc tổn thương về tâm lý, trí tuệ (ĐTB = 2.76), với 10,2% GV đánh giá mục tiêu này chưa hoàn thành, 19,4% GV đánh giá mục tiêu này hoàn thành kém. Tuy các GV tin vào vai trò, mục tiêu của GDHN đối với TKT và họ đã chấp nhận và sẽ tiếp nhận học sinh khuyết tật học hòa nhập, nhưng để hoàn thành được mục tiêu cải thiện tình trạng của TKT thì chưa hoàn thành tốt. Qua quan sát, tìm hiểu sâu, người viết được biết rằng, những GV cho rằng mục tiêu này hoàn thành trung bình và kém là những người trực tiếp đứng lớp, giảng dạy cho trẻ. Học sinh khuyết tật

của họ là những người khó có khả năng tham gia vào hoạt động giáo dục chung, chưa chủ động trong việc tham gia học. Và đây là lần đầu những GV này tiếp nhận TKT tham gia vào hoạt động GDHN.

Ngoài ra, có thể nhận thấy, các mục tiêu sau được các CBQL và GV đánh giá chưa hoàn thành, bao gồm: TKT có cơ hội hòa nhập vào môi trường giáo dục phổ thông, phát triển hài hòa và tối đa những khả năng còn lại để hình thành, phát triển nhân cách (10.7% GV đánh giá chưa hoàn thành), Phát triển toàn diện các mặt cho trẻ, bao gồm: đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và khả năng lao động (10.7% GV đánh giá chưa hoàn thành). Theo bảng hỏi, những GV đánh giá mục tiêu này chưa hoàn thành là những GV có số năm kinh nghiệm từ 1-5 năm.

Ý kiến đánh giá của cha mẹ học sinh về mục tiêu hoạt động này tại các trường tiểu học ở huyện Khánh Vĩnh tương đối khá về mức độ hoàn thành các mục tiêu của các hoạt động GDHN cho TKT. Điểm trung bình giao động từ 2.24 – 2.47. Trong đó, 38.7% cha mẹ học sinh đồng ý rằng mục tiêu của hoạt động GDHN của TKT hoàn thành khá là TKT có cơ hội hòa nhập vào môi trường giáo dục phổ thông, phát triển hài hòa và tối đa những khả năng còn lại để hình thành, phát triển nhân cách (ĐTB = 2.47). 40.3% cha mẹ học sinh đánh giá hoàn thành khá mục tiêu Phát triển kiến thức, kĩ năng văn hóa xã hội, thái độ tích cực, tạo điều kiện hòa nhập cộng đồng khi trẻ 18 tuổi (điểm trung bình 2.47).

Có 24.2% phụ huynh cho rằng mục tiêu Phát triển toàn diện các mặt cho trẻ, bao gồm: đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và khả năng lao động hoàn thành khá, 32.3% cha mẹ cho rằng mục tiêu này hoàn thành kém và thậm chí, có 24.2% cha mẹ đánh giá mục tiêu này “chưa hoàn thành”. Riêng mục tiêu Đảm bảo cho mọi trẻ được hưởng những quyền giáo dục cơ bản, quyền tự do không tách biệt, tham gia vào mọi hoạt động xã hội và có cơ hội công hiến được 46.2% cha mẹ học sinh đánh giá mức “hoàn thành khá”, nhưng lại có đến 26.9% cha mẹ đánh giá mục tiêu này hoàn thành kém thậm chí 21% cha mẹ đánh giá chưa hoàn thành (ĐTB = 2.25). Tương tự với mục tiêu Cải thiện tình trạng suy giảm các chức năng cơ thể và hạn chế chức năng tinh thần do khiếm khuyết hoặc tổn thương về tâm lí, trí tuệ. (ĐTB = 2.24). Qua bảng khảo sát có thể thấy, phần lớn cha mẹ đánh giá mức chưa hoàn thành với mục tiêu này thường có các con khuyết tật vận động và khuyết tật trí tuệ.

3.3. Thực trạng về tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường tiểu học

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV và cha mẹ học sinh về mức độ thực hiện các nội dung hoạt động GDHN cho TKT

STT	Nội dung các hoạt động	Đối tượng KS	Mức độ đánh giá				ĐTB
			Chưa hoàn thành	Hoàn thành kém	Hoàn thành khá	Hoàn thành tốt	
1	Tiếp nhận TKT học hòa nhập	CBQL, GV	10.71	16.3	41.3	31.6	2.94
		Cha mẹ	20.97	25.8	35.5	17.7	2.50
2	Tìm hiểu khả năng và nhu cầu của TKT học hòa nhập	CBQL, GV	10.26	17.9	50.3	21.5	2.83
		Cha mẹ	24.19	25.8	37.1	12.9	2.39
3	Xây dựng chương trình GDHN cho TKT theo 5 nội dung: hòa nhập xã hội; kiến thức (các môn học); hành vi ứng xử, giao tiếp, giáo dục tự phục vụ, lao động, nghề nghiệp; phát triển các khả năng.	CBQL, GV	10.20	17.3	51.5	20.9	2.83
		Cha mẹ	19.35	32.3	29.0	19.4	2.48
4	Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân	CBQL, GV	10.26	16.9	48.7	24.1	2.87
		Cha mẹ	20.97	27.4	37.1	14.5	2.45
5	Thực hiện các nội dung giáo dục về kiến thức; kĩ năng xã hội; chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng cho TKT	CBQL, GV	10.71	16.8	55.1	17.3	2.79
		Cha mẹ	20.97	22.6	38.7	17.7	2.53
6	Kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập cho TKT	CBQL, GV	10.20	17.3	48.0	24.5	2.87
		Cha mẹ	20.97	25.8	29.0	24.2	2.56

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq ĐTB \leq 4$)

Từ kết quả bảng 3 cho thấy, theo ý kiến đánh giá của các CBQL, GV, hoạt động GDHN ở các trường tiểu học huyện Khánh Vĩnh đã được các nhà trường quan tâm, thực hiện tương đối tốt, các nội dung GDHN đều được thực hiện tương đối đồng bộ, cho thấy hoạt động GDHN là cần thiết. Điểm trung bình giao động từ 2.79-2.94. Trong đó, nội dung được thực hiện hoàn thành tốt nhất là: Tiếp nhận TKT học hòa nhập (31.6% GV đánh giá Hoàn thành tốt, 41.3% GV đánh giá Hoàn thành khá, điểm trung bình 2.94), Tìm hiểu khả năng và nhu cầu của TKT học hòa nhập (21.5% GV đánh giá Hoàn thành tốt, 50.3% GV đánh giá Hoàn thành khá, điểm trung bình 2.83), Tìm hiểu khả năng, nhu cầu của TKT chính là căn cứ để xác định một HS có những nhu cầu, điều kiện như thế nào để sắp xếp lớp và xây dựng kế hoạch cho trẻ. Từ đó, việc sắp xếp lớp cho TKT trong trường tiểu học được thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế ở Khánh Vĩnh trong giai đoạn hiện nay. Tất cả các TKT đều được lập hồ sơ ngay từ khi mới

nhập trường, nhờ việc tìm hiểu mà xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân của TKT phù hợp với khả năng, nhu cầu của các trẻ, được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục chung và việc thực hiện GDHN đúng theo kế hoạch và đạt hiệu quả. Dù vậy, nội dung Tiếp nhận TKT học hòa nhập ngoài 21.5% GV đánh giá hoàn thành Tốt, vẫn có 17,9% CBQL và GV đánh giá mức độ hoàn thành Kém, thậm chí có 10.26% GV đánh giá Chưa hoàn thành.

Đối với các nội dung Xây dựng chương trình GDHN cho TKT theo 5 nội dung: hòa nhập xã hội; kiến thức (các môn học); hành vi ứng xử, giao tiếp, giáo dục tự phục vụ, lao động, nghề nghiệp; phát triển các khả năng, có đến 20.9% GV đánh giá Hoàn thành tốt, 51.5% GV đánh giá hoàn thành Khá, thậm chí có đến 10.2% GV đánh giá chưa hoàn thành với mục tiêu. Tương tự, với nội dung Thực hiện các nội dung giáo dục về kiến thức; kỹ năng xã hội; chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng cho TKT (17.3% GV đánh giá Hoàn thành tốt, 55.1% GV đánh giá hoàn thành Khá, 10.71% GV đánh giá chưa hoàn thành)

Ý kiến đánh giá của cha mẹ TKT về mức độ hoàn thành của các nội dung này tại các trường tiểu học ở huyện Khánh Vĩnh được thể hiện trong bảng trên, cho thấy: Thực trạng về tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động GDHN cho TKT ở trường tiểu học được đánh giá theo ý kiến phụ huynh học sinh khá tốt. Điểm trung bình giao động từ 2.39 – 2.56. Theo 24.2% người được hỏi cho biết, nội dung hoàn thành tốt nhất là Kiểm tra, đánh giá kết quả GDHN cho TKT, nhưng có đến 25.8% cha mẹ đánh giá hoàn thành kém, thậm chí có 20.97% phụ huynh cho rằng chưa hoàn thành.

Với nội dung Tiếp nhận TKT học hòa nhập, có 17.7% GV đánh giá hoàn thành tốt, 35.5% đánh giá khá với nội dung này. Những ý kiến này khá tương đồng với đánh giá của các GV và CBQL. Các phụ huynh khi đến làm việc được hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ theo các quy định chung của ngành đối với cấp TH, bao gồm đơn xin nhập học, giấy khai sinh, học bạ, sổ liên lạc, sổ theo dõi chăm sóc sức khỏe, bài kiểm tra, và các loại giấy tờ khác về cư trú. Các GV đã căn cứ vào giấy kết luận của cơ quan y tế; tìm hiểu từ cha mẹ của TKT; sử dụng các mẫu phiếu tìm hiểu khả năng và nhu cầu của trẻ và sử dụng nhiều phương pháp khác nhau như: quan sát, phỏng vấn, trải nghiệm, xem xét sản phẩm của trẻ, xem xét hồ sơ cá nhân của trẻ,... để đưa ra kế hoạch tiếp nhận, xây dựng mục tiêu giáo dục phù hợp.

Nhưng cũng theo ý kiến của cha mẹ học sinh, có đến 32.3% cho rằng nội dung Xây dựng chương trình GDHN cho TKT theo 5 nội dung: hòa nhập xã hội; kiến thức (các môn học); hành vi ứng xử, giao tiếp, giáo dục tự phục vụ, lao động, nghề nghiệp; phát triển các khả năng hoàn thành kém, thậm chí có 19.35% người đánh giá mức độ chưa hoàn thành với nội dung này. Tương tự, 22,6% cha mẹ đánh giá, nội dung Thực hiện các nội dung giáo dục về kiến thức; kỹ năng xã hội; chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng cho TKT hoàn thành kém, 20.97% đánh giá chưa hoàn thành.

3.4. Thực trạng hình thức thực hiện hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường tiểu học

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV và cha mẹ học sinh về mức độ hiệu quả các hình thức hoạt động GDHN cho TKT

STT	Hình thức hoạt động	Đối tượng KS	Mức độ đánh giá				ĐTB
			Không hiệu quả	Ít hiệu quả	Khá hiệu quả	Rất hiệu quả	
1	Giáo dục thông qua các tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp	CBQL, GV	10.26	5,6	56,4	27.7	3.02
		Cha mẹ	11.48	19,7	32,8	36.1	2.93
2	Giáo dục thông qua các tiết dạy cá nhân	CBQL, GV	10.77	4,6	58,5	26.2	3.00
		Cha mẹ	6.56	23,0	42,6	27.9	2.92
3	Giáo dục thông qua các tiết dạy trên lớp	CBQL, GV	10.26	3,1	59,5	27.2	3.04
		Cha mẹ	6.56	16,4	41,0	36.1	3.07

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$)

Từ kết quả bảng 4, hình thức GDHN tại các trường tiểu học tại huyện Khánh Vĩnh, theo ý kiến của GV và cha mẹ học sinh, hình thức được đánh giá có tính hiệu quả nhất là Giáo dục thông qua các tiết dạy trên lớp (Điểm trung bình lần lượt là 3.04 và 3.07). Qua quan sát, và thực hiện nghiên cứu hồ sơ cho thấy, các em TKT được xếp vào lớp học bình thường cùng với các em học sinh khác. Mặc dù học sinh khuyết tật vẫn có khả năng học trong một lớp học như thế này, nhưng các em gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình học tập.

Hình thức tiếp theo được đánh giá hoàn thành tốt là Giáo dục thông qua các tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp (Điểm trung bình lần lượt là 3.02 và 2.93). Thông qua các hoạt động giao lưu tập thể giữa các tổ trong lớp, trong đó TKT cùng tham gia chơi và giao lưu với các bạn. Nhiều em khác trong lớp cũng cảm thấy đồng cảm với TKT, các bạn thường cổ vũ giúp đỡ bạn khi bạn không thực hiện được nhiệm vụ GV giao. Thông qua các hoạt động giao lưu tập thể TKT cảm thấy mạnh dạn tự tin hơn. Trong khi chơi trẻ có nhu cầu chơi cùng bạn bè rất tốt cho TKT hòa nhập.

Ngoài các tiết học trên lớp, các giáo viên tiểu học thường xuyên tổ chức các “Tiết cá nhân”, đây là hình thức

tổ chức nhằm giúp hỗ trợ kỹ năng và bổ sung kiến thức cho các em TKT. Mục tiêu của tiết dạy cá nhân là nhằm khắc phục những lỗ hổng về kiến thức và kỹ năng mà TKT không thể tiếp thu, lĩnh hội được khi học chung với trẻ bình thường cũng như học chung với những TKT khác. Nhưng lại được đánh giá ít hiệu quả nhất, điểm trung bình 3.0 và 2.92, trong đó có 6.56% cha mẹ học sinh, và 10.77% GV đánh giá “không hiệu quả”.

3.5. Thực trạng tham gia các lực lượng trong hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường tiểu học

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GV và cha mẹ học sinh về mức độ phối hợp các lực lượng trong hoạt động GDHN cho TKT

STT	Các lực lượng tham gia	Đối tượng KS	Mức độ đánh giá				ĐTB
			Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Khá thường xuyên	Rất thường xuyên	
1	Ban giám hiệu thành lập ban điều hành chương trình GDHN	CBQL, GV	11.73	24.5	52.0	11.7	2.64
		Cha mẹ	27.42	12.9	38.7	21.0	2.53
2	Ban giám hiệu các trường tiểu học phân công cán bộ, đề ra chương trình phối hợp hoạt động	CBQL, GV	11.22	24.5	51.5	12.8	2.66
		Cha mẹ	18.03	26.2	45.9	9.8	2.48
3	Chính quyền địa phương phối hợp triển khai GDHN	CBQL, GV	10.71	23.5	50.5	15.3	2.70
		Cha mẹ	20.97	29.0	40.3	9.7	2.39
4	Ban giám hiệu tổ chức tập huấn, nâng cao kiến thức về GDHN	CBQL, GV	12.24	27.0	52.6	8.2	2.57
		Cha mẹ	24.19	27.4	33.9	14.5	2.39
5	GV, nhân viên trường tiểu học kêu gọi, vận động gia đình có TKT đưa trẻ đến trường	CBQL, GV	10.82	18.6	50.5	20.1	2.80
		Cha mẹ	18.33	25.0	40.0	16.7	2.55
6	Phối hợp với các lực lượng để điều tra nhóm TKT trên địa bàn	CBQL, GV	10.71	21.4	54.1	13.8	2.71
		Cha mẹ	21.31	21.3	34.4	23.0	2.59
7	Phối hợp tổ chức khám, tư vấn, chữa bệnh cho TKT	CBQL, GV	10.71	23.0	53.6	12.8	2.68
		Cha mẹ	16.39	32.8	37.7	13.1	2.48
8	Phối hợp với các chuyên gia để thực hiện GDHN, can thiệp sớm để nâng cao chất lượng GD	CBQL, GV	11.73	28.1	50.5	9.7	2.58
		Cha mẹ	25.00	21.2	34.6	19.2	2.48

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$)

Từ bảng 5, sự phối hợp giữa các lực lượng trong trường được đánh giá khá theo ý kiến của các CBQL và GV. ĐTB dao động từ 2.57 – 2.8. Trong đó, nội dung phối hợp GV, nhân viên trường tiểu học kêu gọi, vận động gia đình có TKT đưa trẻ đến trường được đánh giá có mức thực hiện thường xuyên nhất (ĐTB = 2.8, với 20.1% GV đánh giá rất thường xuyên, 50.5% đánh giá khá thường xuyên, tuy vẫn có 10.82% GV cho rằng “không bao giờ thực hiện”). Tiếp theo, nội dung Phối hợp với các lực lượng để điều tra nhóm TKT trên địa bàn cũng được đánh giá thực hiện thường xuyên nhất (ĐTB = 2.71).

Tuy nhiên, cũng theo ý kiến của CBQL và GV, nội dung Phối hợp với các chuyên gia để thực hiện GDHN, can thiệp sớm để nâng cao chất lượng GD (ĐTB = 2.58); Phối hợp tổ chức khám, tư vấn, chữa bệnh cho TKT (ĐTB = 2.68) được thực hiện ít thường xuyên nhất. Thực tế, qua tìm hiểu cho thấy cơ cấu tổ chức hoạt động của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật ở cấp xã trong huyện Khánh Vĩnh còn hạn chế, hầu hết các thành viên đều không có chuyên môn về y khoa, không được tập huấn hướng dẫn cách đánh giá, xác định mức độ khuyết tật nên trong quá trình xét duyệt cho các đối tượng chủ yếu mang tính chủ quan, cảm tính. Việc xác định mức độ khuyết tật được thực hiện bằng phương pháp quan sát trực tiếp người khuyết tật, thông qua thực hiện hoạt động đơn giản phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày, sử dụng bộ câu hỏi theo các tiêu chí về y tế, xã hội và một số phương pháp đơn giản khác để kết luận mức độ khuyết tật đối với người khuyết tật nên khó khăn cho công tác xác định dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật.

Đặc biệt nội dung Ban giám hiệu tổ chức tập huấn, nâng cao kiến thức về GDHN (ĐTB = 2.57) được đánh giá ít thường xuyên nhất. Với 12.24% GV cho rằng “không bao giờ”, 27% đánh giá mức độ “thỉnh thoảng” và đến 52.6% đánh giá “khá thường xuyên”.

Theo ý kiến của cha mẹ học sinh, các nội dung phối hợp được thực hiện ở mức độ khá, điểm trung bình giao động từ 2.39 – 2.59. Tương tự như các GV, cha mẹ học sinh cũng đánh giá mức thường xuyên nhất với hoạt động Kêu gọi, vận động gia đình có TKT đưa trẻ đến trường (ĐTB = 2.55, 40% đánh giá khá thường xuyên và 16.7% đánh giá rất thường xuyên). Phối hợp với các lực lượng để điều tra nhóm TKT trên địa bàn (điểm trung bình 2.59, 34.4% đánh giá khá thường xuyên và 23% đánh giá rất thường xuyên).

Tuy nhiên, các hoạt động như: Chính quyền địa phương phối hợp triển khai GDHN (ĐTB = 2.39); ban giám hiệu tổ chức tập huấn, nâng cao kiến thức về GDHN (ĐTB = 2.39); Phối hợp tổ chức khám, tư vấn, chữa bệnh

cho TKT (ĐTB = 2.48) được thực hiện ít thường xuyên hơn. Điều này phản ánh tương đối hợp lý với các kết quả điều tra trên, khi mức độ hoàn thành của hoạt động tập huấn, nâng cao kiến thức và kết hợp với các chuyên gia ít hoàn thành hơn so với các nội dung khác.

4. KẾT LUẬN

Qua tìm hiểu và khảo sát về thực trạng hoạt động GDHN TKT tại các trường tiểu học huyện Khánh Vĩnh có thể thấy, CBQL, đã có những nhận thức đúng đắn về hoạt động trên. Các nhà trường đã triển khai tương đối đồng bộ các nội dung như tiếp nhận học sinh, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân và tổ chức các hình thức dạy học phù hợp, góp phần tạo cơ hội học tập bình đẳng cho TKT. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế nhất định: nhận thức của cha mẹ học sinh chưa thật sự thống nhất, một số mục tiêu và nội dung GDHN chưa được thực hiện hiệu quả, nhất là ở khía cạnh cải thiện chức năng và phát triển kỹ năng xã hội cho trẻ. Sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục còn thiếu chặt chẽ, đặc biệt là hoạt động tập huấn chuyên môn, phối hợp với chính quyền và chuyên gia. Để nâng cao chất lượng GDHN trong thời gian tới, cần tăng cường bồi dưỡng chuyên môn cho GV, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho phụ huynh, đồng thời mở rộng phối hợp liên ngành, nhằm đảm bảo quyền học tập và sự phát triển toàn diện của TKT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật*. Hà Nội, Việt Nam: Tác giả.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, & Bộ Tài chính. (2013). *Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật*. Hà Nội, Việt Nam: Tác giả.
- Liên Hiệp Quốc. (2007). *Công ước về quyền của người khuyết tật*.
- Nguyễn, X. H. (2015). *Quản lý giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật cấp tiểu học*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Khánh Vĩnh. (2022). *Danh sách học sinh khuyết tật học hòa nhập tại các trường tiểu học năm học 2022–2023*.
- Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2010). *Luật Người khuyết tật*. Hà Nội, Việt Nam: Tác giả.
- Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2016). *Luật Trẻ em*. Hà Nội, Việt Nam: Tác giả.
- Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2019). *Luật Giáo dục*. Hà Nội, Việt Nam: Tác giả.

Current status of inclusive education activities for children with disabilities in primary schools in Khanh Vinh district, Khanh Hoa province

Dau Minh Long¹, Ta Van Trinh²

University of Education, Hue University

Khanh Nam Primary School, Khanh Vinh District, Khanh Hoa Province

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 16 September 2023

Received in revised form: 26 September 2023

Accepted: 18 October 2023

Published: 20 December 2025

Keywords:

Education;

Inclusive education;

Children with disabilities.

Corresponding author:

Ta Van Trinh

E-mail address:

tavantrinhkn@gmail.com

ABSTRACT

Inclusive education for children with disabilities in primary schools is one of the important tasks of the school, aiming to provide equal opportunities for learning and development. This study was conducted to examine the current situation of inclusive education activities for children with disabilities in primary schools in Khanh Vinh district, Khanh Hoa province. The main research method was a questionnaire survey administered to 28 school administrators, 168 teachers, and 62 parents of children with disabilities across 13 schools. The findings indicate that inclusive education for children with disabilities in these primary schools still faces several limitations, particularly in terms of implementation, staff capacity, and coordination among stakeholders during the implementation process.